

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ N  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2022/HSST  
Ngày: 27-01-2022

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N TỈNH NAM ĐỊNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Công Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Quỹ
2. Bà Vương Thị Minh Tân

**- Thư ký phiên toà:** Bà Bùi Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố N.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Tiến Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2022/TLST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Lê Việt C, sinh năm 1988; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; nơi sinh: Tỉnh Nam Định; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 9/97 đường Hàn Thuyên, phường Vị Hoàng, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi ở: Số 102 Máy Tơ, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Lê Ngọc Lân và bà: Nguyễn Thị Vân; gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; vợ: Trần Thị Thu Cúc và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09-11-2021 sau đó chuyển tạm giam đến nay tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố N; (Có mặt).

- Bị hại: Anh Trần Hán Q, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số 3/80 đường Máy Tơ, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trần Thị T, sinh năm 1975; nơi cư trú: Số 30 đường B, phường Cửa Bắc, thành phố N, tỉnh Nam Định.

2. Ông Trần Đình H, sinh năm 1959; nơi cư trú: Số 89 đường N, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định.

(Anh Q, chị T, ông H đều có đơn xin xét xử vắng mặt;

3. Chị Vũ Thị Ph, sinh năm 1982; nơi cư trú: Số nhà 8 Thủy Cơ, phường Cửa Nam, thành phố N. (Có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình Lê Việt C là hàng xóm của anh Trần Hán Q làm nghề buôn bán xe máy cũ. Ngày 25-11-2020, tại quán nước nhà mình, C mượn anh Q chiếc xe máy nhãn hiệu SYM Attila, màu đỏ biển kiểm soát 47R5-2122 (cùng giấy đăng ký xe) làm phương tiện đi lại. Ngày 26-11-2020, anh Q sửa nhà không có chỗ để xe nên mang hai chiếc xe máy: nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu đen, biển kiểm soát 18C1-07816 và xe máy nhãn hiệu Futirfi màu xám, biển kiểm soát 90K1-0839 đến gửi nhờ nhà C. Anh Q chỉ giao xe cho C nhưng không giao giấy đăng ký xe. Anh Q nói với C nếu vợ chồng C cần sử dụng đến xe thì có thể sử dụng chiếc xe máy biển kiểm soát 90K1-0839 để làm phương tiện đi lại, còn chiếc xe máy biển kiểm soát 18C1-07816 anh Q nhờ C tìm khách mua để bán nhưng trước khi bán phải hỏi ý kiến anh Q. Tối cùng ngày, có khách đến uống nước tại quán nhà C và hỏi mua chiếc xe máy Yamaha Jupiter. C gọi điện thoại cho anh Q hỏi mượn giấy đăng ký xe cho khách xem. Anh Q đồng ý, sau đó giao giấy đăng ký xe biển kiểm soát 18C1-07816 cho C. Người khách xem xe nhưng không đồng ý mua nên C giữ lại giấy đăng ký xe.

Ngày 28-11-2020, do cần tiền tiêu xài cá nhân, C nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu đen, biển kiểm soát 18C1-07816. Khoảng 16 giờ cùng ngày, C mang chiếc xe máy biển kiểm soát 18C1-07816 cùng giấy đăng ký nói đây là xe của mình bán cho chị Trần Thị T, sinh năm 1975, trú tại 30 đường B, phường Cửa Bắc, thành phố N với giá 7.000.000đ. Tối cùng ngày, anh Q đến nhà C, không thấy chiếc xe Yamaha Jupiter thì C nói dối do nhà chật, không có chỗ để nên mang chiếc xe máy trên gửi bên nhà thờ của gia đình tại đường Phong Lộc Tây, phường Cửa Nam, thành phố N, anh Q tin tưởng không hỏi gì thêm.

Khoảng cuối tháng 12-2020, do cần tiền tiêu xài cá nhân, C nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy nhãn hiệu SYM Attila màu đỏ, biển kiểm soát 47R5-2122. C mang chiếc xe máy cùng giấy đăng ký xe nói là xe của mình mang bán cho ông Trần Đình H, sinh năm 1959, trú tại 89 N, phường N, thành phố N là chủ cửa hàng xe máy Hoàng H với giá 3.000.000đ. C viết cho ông H một giấy bán xe. Ngày 05-01-2021, ông H bán chiếc xe máy trên cho chị Vũ Thị Phương, sinh năm 1982, trú tại số 8 Thủy Cơ 2, phường Cửa Nam, thành phố N với giá là 3.800.000đ.

Ngày 07-01-2021, anh Q yêu cầu C mang xe máy Yamaha Jupiter biển kiểm soát 18C1-07816 về để cho khách xem xe thì C nói dối anh Q là đang đi làm, chưa mang xe về trả được. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, anh Q gọi điện yêu cầu C mang xe về trả, do sợ bị anh Q phát hiện việc chiếm đoạt chiếc xe máy biển kiểm soát 18C1-07816 và chiếc xe máy biển kiểm soát 47R5-2122 nên đã nảy sinh ý

định chiếm đoạt chiếc xe máy nhãn hiệu Futirfi, biển kiểm soát 90K1-0839 làm phương tiện bỏ trốn. Sau đó, C điều khiển chiếc xe máy Futirfi lên thành phố Hà Nội, tắt điện thoại, không liên lạc với anh Q và gia đình.

Ngày 19-01-2021, anh Q đến Công an phường Q, thành phố N trình báo. Sau khi tiếp nhận vụ việc, ngày 05-02-2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã ra thông báo truy tìm Lê Việt C cùng ba chiếc xe máy của anh Q. Ngày 08-11-2021, theo thông báo truy tìm trên, Công an phường Yên Sở, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội kiểm tra hành chính, tạm giữ Lê Việt C và giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố N. Tại Cơ quan điều tra, C thừa nhận hành vi như trên phù hợp với các tài liệu, chứng cứ Cơ quan điều tra đã thu thập được. Ngoài ra, C khai báo sau khi chiếm đoạt chiếc xe máy nhãn hiệu Futirfi, biển kiểm soát 90K1-0839 để làm phương tiện bỏ trốn lên thành phố Hà Nội, do không có giấy tờ xe nên C không bán được. Sau đó C thường xuyên thay đổi chỗ ở và làm nhiều công việc khác nhau (nhưng không nhớ địa chỉ cụ thể). Khoảng đầu tháng 6-2021, C để chiếc xe máy biển kiểm soát 90K1-0839 tại vỉa hè trước cửa tòa nhà Đài truyền hình kỹ thuật số VTC, địa chỉ số 23 Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội thì bị kẻ gian trộm cắp. Do đây là tài sản C chiếm đoạt của anh Q mà có nên C không trình báo với cơ quan Công an. Đối với số tiền bán hai chiếc xe máy trên, C đã tiêu xài cá nhân hết, không có khả năng trả.

Tại Kết luận định giá số 10 ngày 29-01-2021 và số 31 ngày 06-5-2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP Nam Định kết luận:

- Chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu đen, biển kiểm soát 18C1-078.16 có trị giá là 11.200.000đ.

- Chiếc xe máy nhãn hiệu SYM Attila màu đỏ, biển kiểm soát 47R5-2122 có trị giá là 4.200.000đ.

- Chiếc xe máy nhãn hiệu Futirfi màu xám, biển kiểm soát 90K1-0839 có trị giá là 5.100.000đ. (Chưa thu hồi được vật chứng, định giá qua hồ sơ).

***Về xử lý vật chứng và vấn đề dân sự trong vụ án:***

- Đối với chiếc xe Yamaha Jupiter BKS: 18C1-078.16, chị Trần Thị T giao nộp cho Cơ quan điều tra và yêu cầu C trả lại số tiền đã bỏ ra mua chiếc xe này.

- Đối với chiếc xe SYM Attila BKS: 47R5-2122, chị Vũ Thị Phương giao nộp cho Cơ quan điều tra. Chị Phương yêu cầu ông Trần Đình H trả số tiền chị Phương đã mua chiếc xe; ông H có quan điểm yêu cầu Lê Việt C trả tiền đã mua xe trên. Đối với chiếc xe này ông H đã thoả thuận bồi thường cho chị Phương bằng chiếc xe khác.

Đối với chiếc xe chị Vũ Thị Phương mua của ông H, chị Phương giao nộp cho Cơ quan điều tra nên ông H đã thoả thuận bồi thường cho chị Phương bằng chiếc xe máy khác tại phiên tòa chị Phương không có yêu cầu gì.

- Cơ quan điều tra đã trả lại hai chiếc xe máy Yamaha Jupiter BKS: 18C1-078.16 và SYM Attila BKS: 47R5-2122 cho anh Trần Hán Q, anh Q yêu cầu Lê Việt C bồi thường số tiền 4.500.000 đồng là số tiền anh Q đã mua chiếc xe máy Futirfi BKS: 90K1-0839.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Futirfi BKS: 90K1-0839, Lê Việt C khai bị mất trộm, Cơ quan điều tra đã ra công văn thông báo về nguồn tin tội phạm cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội xác minh theo thẩm quyền.

Đối với chị Trần Thị T, ông Trần Đình H và chị Vũ Thị Phương mua bán hai chiếc xe máy không biết là tài sản do phạm tội mà có nên không xem xét xử lý.

Bản cáo trạng số 07/CT-VKSTPNĐ ngày 04-01-2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố bị cáo Lê Việt C về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Sau đây được viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Việt C khai nhận toàn bộ hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản như bản cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N giữ quyền công tố tại phiên tòa, luận tội và tranh luận: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đánh giá mức độ hành vi phạm tội, nhân thân cũng như tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo Lê Việt C có đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Do đó Kiểm sát viên đã giữ nguyên nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Việt C phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS: Xử phạt bị cáo Lê Việt C từ 21 tháng đến 24 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; căn cứ Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo phải bồi thường theo yêu cầu của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị cáo Lê Việt C nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Việt C không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Việt C tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, Kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ kết luận: Ngày 25, 26 tháng 11 năm 2020, tại nhà số 102 Máy Tơ, phường

Q, thành phố N, bị cáo mượn chiếc xe máy SYM Attila BKS: 47R5-2122 trị giá 4.200.000đ làm phương tiện đi lại và nhận trông giữ hai chiếc xe máy Yamaha Jupiter BKS: 18C1-078.16 trị giá 11.200.000đ và Futirfi BKS: 90K1-0839 trị giá 5.100.000đ của anh Trần Hán Q sau đó dùng thủ đoạn gian dối và bỏ trốn lần lượt chiếm đoạt những chiếc xe trên. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 20.500.000 đồng. Hành vi của bị cáo Lê Việt C là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ; bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi mượn, trông giữ tài sản của người khác sau đó dùng thủ đoạn gian dối và bỏ trốn nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản vì mục đích tư lợi là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện, lỗi của bị cáo là lỗi cố ý. Do đó, bị cáo đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 BLHS, nên quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N là có căn cứ.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[3.1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo Lê Việt C đã thành khẩn khai báo đối với hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[3.2] Bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng đã lợi dụng lòng tin của anh Q nên đã 03 lần lấy tài sản của anh Q gửi mang đi bán lấy tiền tiêu sài cá nhân vì vậy phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

[4] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Việt C là nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đối với an ninh trật tự trên địa bàn thành phố N. Bản thân bị cáo đã nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của anh Q, vì vậy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục đối với bị cáo theo đề xuất của Kiểm sát viên là tương đối phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử sẽ không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về bồi thường dân sự: Anh Trần Hán Q yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền 4.500.000 đồng mặc dù chiếc xe máy nhãn hiệu Futirfi màu xám, BKS: 90K1-0839 được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận có trị giá là 5.100.000 đồng, nhưng anh Q chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền mua chiếc xe này là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận; chị Trần Thị T yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền đã mua chiếc xe máy Yamaha Jupiter BKS: 18C1-078.16 là 7.000.000 đồng, ông Trần Đình H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã mua chiếc xe SYM Attila BKS: 47R5-2122 là 3.000.000 đồng, bị cáo tuy đã đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan những khoản tiền trên, nhưng đến nay bị cáo vẫn chưa bồi thường cho ai. Vì vậy xét thấy yêu cầu của anh Q, chị T, ông H phù hợp với quy định tại Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân

sự năm 2015, nên buộc bị cáo phải bồi thường theo yêu cầu thực tế của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đối với việc mua bán chiếc xe SYM Attila BKS: 47R5-2122 giữa ông Trần Đình H và chị Vũ Thị Phương đã được ông H bồi thường cho chị Phương bằng chiếc xe máy khác BKS: 18B2-3528. Tại phiên tòa chị Phương không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo Lê Việt C bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố bị cáo Lê Việt C phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.**

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS;

Xử phạt bị cáo Lê Việt C 24 (Hai bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09-11-2021.

**2. Về hình phạt bổ sung:** Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

**3. Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Lê Việt C phải bồi thường cho anh Trần Hán Q số tiền 4.500.000 (Bốn triệu năm trăm nghìn) đồng; bồi thường cho chị Trần Thị T số tiền 7.000.000 (Bảy triệu) đồng và bồi thường cho ông Trần Đình H số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng, người phải thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

**4. Án phí sơ thẩm:** Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Lê Việt C phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự và 725.000 đồng (Bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự.

**5. Quyền kháng cáo:**

Bị cáo Lê Việt C và chị Vũ Thị Ph có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Bị cáo;
- Toà án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Nam Định;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Nam Định;
- Công an TP. Nam Định;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Công Khánh**

CÁC HỘI THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**Trần Công Khánh**